

Số: 342/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 02 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu” tại Lô K1, K2, K3 và một phần lô K4, Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 4003/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường; và Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh về việc sắp xếp cơ cấu của Sở Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo tổng hợp ý kiến các cơ quan, tổ chức số 2022/STNMT-CCBVMT ngày 20/5/2021 và số 5461/STNMT-CCBVMT ngày 22 tháng 12 năm 2021;*

*Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu” tại Lô K1, K2, K3 và một phần lô K4, Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 47/CV-VNT-KTH ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Công ty Cổ phần Vịnh Nha Trang;*

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ...39.../TTr-STNMT-CCBVM ngày ..27... tháng 01 năm 2022.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Vĩnh Nha Trang (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Lô K1, K2, K3 và một phần lô K4, Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại UBND xã Suối Tân.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 118/QĐ-KKT ngày 30 tháng 8 năm 2012 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong./.

**Nơi nhận: (VBĐT)**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- BQL KKT Vân Phong;
- UBND huyện Cam Lâm;
- UBND xã Suối Tân;
- Chủ dự án;
- Lưu: VP+TL

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Anh Tuấn**

**Phụ lục****CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA  
DỰ ÁN NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU**

(Kèm theo Quyết định số... 318.2... /QĐ-UBND ngày ..09.. tháng ..02.. năm 2022  
của UBND tỉnh Khánh Hòa)

**1. Thông tin về dự án:**

1.1. Tên dự án: Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu.

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: Lô K1, K2, K3 và một phần lô K4, Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

1.3. Chủ dự án: Công ty Cổ phần Vĩnh Nha Trang

1.4. Địa chỉ: Lô K1, K2, K3 và một phần lô K4, Khu công nghiệp Suối Dầu, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

1.5. Loại hình dự án:

Dự án thuộc loại hình dự án đầu tư nâng công suất các sản phẩm hiện có của Công ty. Bổ sung sản xuất điện năng lượng mặt trời phục vụ cho hoạt động sản xuất của dự án.

1.6. Quy mô dự án: 19.500 tấn sản phẩm/năm.

1.7. Các hạng mục, công trình chính của dự án:

STT	Hạng mục	Diện tích (m <sup>2</sup> )	
		Hiện hữu	Nâng công suất
1	Văn phòng	673,7	673,7
2	Nhà xưởng sản xuất	4.205,8	4.205,8
3	Kho lạnh	3.010	3.010
4	Nhà ăn công nhân	820	820
5	Nhà nghỉ trưa công nhân	715	715
6	Nhà lò hơi	133	133
7	Khu vực chứa vật tư	280	280

STT	Hạng mục	Diện tích (m <sup>2</sup> )	
		Hiện hữu	Nâng công suất
8	Khu vực chứa hóa chất	7	7
9	Văn phòng kho	112	112

## 2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

### 2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Các tác động môi trường chính của dự án chủ yếu nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, bụi, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại...

### 2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu từ quá trình hoạt động của công nhân trong giai đoạn vận hành khoảng 52,5 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Thành phần nước thải gồm Chất rắn lơ lửng (TSS), BOD<sub>5</sub>, COD, Nitrat, Photphat, Coliform, Dầu mỡ ĐTV và các tạp chất khác.

- Nước thải sản xuất phát sinh khoảng 400 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Thành phần của nước thải sản xuất chủ yếu là TSS, BOD, COD, Tổng N, Tổng P, vi sinh vật, dầu mỡ...

- Nước thải từ tủ hấp cá khoảng 5,12 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Thành phần của nước thải chủ yếu là TSS, BOD, COD, Tổng N, Tổng P, dầu mỡ...

- Nước thải từ nhà ăn phát sinh khoảng 14 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Thành phần của nước thải sản xuất chủ yếu là TSS, BOD, COD, Tổng N, Tổng P, vi sinh vật, dầu mỡ...

- Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi khoảng 8 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Thành phần của nước thải chủ yếu là chất rắn lơ lửng, muối than...

### 2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải làm tăng nồng độ bụi và khí thải trong không khí, gây nguy cơ ô nhiễm cục bộ tại các khu vực trung chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm, khu vực nhà để xe cán bộ công nhân viên.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi đốt hơi công suất 6 tấn hơi/h. Thành phần bao gồm: Bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện công suất 600kVA. Thành phần bao gồm: Bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>.

- Khí thải từ quá trình sản xuất chế biến thủy sản. Thành phần bao gồm: Bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S.

- Mùi và khí ô nhiễm phát sinh từ trạm XLNT, khu vực lưu chứa chất thải gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh và sức khỏe công nhân làm việc.

#### 2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn vận hành chính thức khoảng 109,2 tấn/năm. Thành phần chủ yếu bao gồm: Túi nilon, chai lọ, thức ăn thừa...

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường khoảng 17.152 tấn/năm. Thành phần bao gồm: phế phẩm thủy sản, phế liệu từ quá trình đóng gói, sản xuất, bùn thải từ HTXLNT...

- Tấm pin năng lượng mặt trời thải bỏ sau 10 năm khoảng 31 tấm.

#### 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 1.558 kg/năm. Thành phần bao gồm: Bóng đèn huỳnh quang thải, giẻ lau dính dầu nhớt, bao bì cứng thải...

### 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

#### 3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt của dự án sẽ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn. Hệ thống bể tự hoại được bố trí theo từng cụm đặt tại khu vực văn phòng và khu vực sản xuất. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bằng bể tự hoại được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để tiếp tục xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Suối Dầu.

- Nước thải sản xuất, vệ sinh nhà xưởng, dụng cụ thiết bị sản xuất được thu gom về hệ thống xử lý nước thải cục bộ của nhà máy với công suất thiết kế 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Cụ thể:

+ Quy trình xử lý: Nước thải → Hồ thu gom và tách dầu mỡ → Bể điều chỉnh pH → Bể tuyển nổi DAF → Bể đông tụ và tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể điều hòa thủy phân sinh học → Bể lọc sinh học bán kỵ khí UAF → Bể khử Nitơ → Bể MBBR → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng bùn sinh học → Bể lắng Phospho → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Suối Dầu.

### **3.2. Về thu gom và xử lý khí thải**

Khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 6 tấn hơi/h với nguyên liệu đốt là than đá, củi, viên nén mùn cưa, củi ép sẽ được thu gom về hệ thống xử lý khí thải để xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B ( $Kq=1$ ,  $Kv=1$ ). Cụ thể như sau:

Quy trình xử lý: Khí thải → Cyclone lọc bụi → Tháp hấp thụ (dung dịch hấp thụ NaOH) → Ống khói → Khí thải được xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thải ra ngoài.

### **3.3. Về công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường**

#### Đối với chất thải rắn sinh hoạt và bùn thải:

Chủ dự án có trách nhiệm thu gom chất thải rắn phát sinh trong nhà máy, chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của trạm xử lý nước thải.

- Bố trí thùng thu gom CTR bằng nhựa có nắp đậy tại các khu vực dọc tuyến đường nội bộ nhà máy.

- Bố trí bin đặt thùng rác có lối đi thuận tiện cho việc thu gom và không để rác rơi vãi ra môi trường, tạo điều kiện cho côn trùng và vi sinh vật phân hủy gây mùi hôi thối.

- Không chôn lấp và đốt chất thải sai quy định.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, lưu trữ trong kho diện tích 20m<sup>2</sup>. Chủ dự án ký hợp đồng dịch vụ thu gom và vận chuyển rác để thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường của nhà máy.

Đối với phế phẩm thủy sản: Đối với phế phẩm thủy sản phát sinh từ hoạt động sản xuất như xương, nội tạng,.. được thu gom vào các bao bì và thùng đậy kín; và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu mua và tiêu hủy phế phẩm thủy sản.

Đối với tấm pin năng lượng mặt trời: sẽ được Nhà cung cấp thu gom và xử lý theo đúng quy định; trong trường hợp nhà sản xuất không thu hồi thì Chủ dự án sẽ liên hệ với các Công ty xử lý chất thải nguy hại để tiến hành thu gom, vận chuyển tấm pin đi xử lý.

### **3.4. Về công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại**

Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại được thực hiện theo đúng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

### **3.5. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường**

- Tai nạn lao động: Tổ chức quán triệt, phổ biến cho công nhân nội quy về an toàn và bảo hộ lao động.

- Tai nạn giao thông: Thường xuyên nhắc nhở các cán bộ, công nhân nghiêm túc chấp hành luật lệ giao thông khi tham gia giao thông.

- Kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí do hoạt động của hệ thống làm lạnh và cấp đông: bố trí hệ thống làm lạnh và cấp đông tại khu vực thông thoáng nhằm tăng khả năng tản nhiệt của hệ thống; Định kỳ bảo dưỡng, kiểm tra hệ thống nhằm hạn chế sự cố và sự gia nhiệt khi máy móc xảy ra sự cố.

- Phòng ngừa sự cố nổ, vỡ đèn chiếu sáng: sử dụng hệ thống đèn chiếu sáng đảm bảo chất lượng; Tắt đèn khi không có nhu cầu chiếu sáng; Sử dụng bóng đèn có công suất phù hợp với nguồn điện và hệ thống đường dây truyền điện; Định kỳ kiểm tra thay thế các bóng đèn hư hỏng, không đảm bảo chất lượng; Lắp khung bảo vệ.

## **4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:**

### **4.1. Chương trình quản lý môi trường của dự án**

Nội dung cụ thể được trình bày tại Mục 4.1 Chương 4 báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

### **4.2. Chương trình giám sát môi trường của dự án**

#### **4.2.1. Giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm**

##### **➤ Giám sát chất lượng nước thải**

- Vị trí giám sát: Mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của trạm xử lý nước thải.

- Tần suất quan trắc: 1 ngày/lần trong 07 ngày liên tiếp của thời gian vận hành thử nghiệm trạm xử lý nước thải (tối thiểu 01 mẫu nước thải đầu vào và 07 mẫu nước thải đầu ra).

- Các chỉ tiêu quan trắc: Lưu lượng, pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Amoni, Tổng N, Tổng P, Coliform, Dầu mỡ ĐTV.

- Quy định quan trắc và phân tích mẫu: Các mẫu được lấy, bảo quản và phân tích theo quy định QCVN và TCVN.

- Quy chuẩn đánh giá: QCVN 11-MT:2015/BTNMT, Cột B.

➤ *Giám sát khí thải lò hơi*

- Vị trí giám sát: Tại đầu ra của hệ thống xử lý khí thải lò hơi (do đặc điểm của HTXLKT không lấy được mẫu đầu vào).

- Tần suất quan trắc: 1 ngày/lần trong 07 ngày liên tiếp của thời gian vận hành thử nghiệm HTXL khí thải lò hơi.

- Các chỉ tiêu quan trắc: Lưu lượng, Bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>

- Quy định quan trắc và phân tích mẫu: Các mẫu được lấy, bảo quản và phân tích theo quy định QCVN và TCVN.

- Quy chuẩn đánh giá: QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

4.2.2. *Giám sát giai đoạn vận hành thương mại*

➤ *Giám sát chất lượng nước thải*

- Vị trí giám sát:

+ 01 vị trí tại hố ga thu gom nước thải trước xử lý

+ 01 vị trí tại hố ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Suối

Dầu

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/1 lần.

- Các chỉ tiêu quan trắc: Lưu lượng, pH, COD, tổng Nitơ, tổng Phospho, Coliform;

- Quy định quan trắc và phân tích mẫu: Các mẫu được lấy, bảo quản và phân tích theo quy định QCVN và TCVN.

- Quy chuẩn đánh giá: Tiêu chuẩn đầu nối nước thải được nêu trong Hợp đồng dịch vụ thoát nước thải số 27/2016/HDDVNT-KCNSD ngày 04/1/2016 và

phụ lục hợp đồng dịch vụ thoát nước thải số 01/PLHĐ27/2026 ngày 03/03/2017 giữa Công ty Cổ phần KCN Suối Dầu và Công ty Cổ phần Vĩnh Nha Trang.

➤ *Giám sát khí thải lò hơi*

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại ống khói hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
- Các thông số giám sát: Lưu lượng, Bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

**5. Các điều kiện khác liên quan đến môi trường:**

- Trong quá trình thực hiện dự án, Chủ dự án phải thực hiện nghiêm túc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường không khí, đất, nước khu vực dự án và các công trình lân cận. Thực hiện việc phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu đề xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và hoạt động của các dự án xung quanh, khu dân cư Chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động của Dự án, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, thông báo khẩn cho UBND huyện Cam Lâm, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh Khánh Hòa để được chỉ đạo và phối hợp xử lý; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) được gửi tới các cơ quan quản lý (UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Cam Lâm) trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo.

